

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân S, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Ng, sinh năm 1978; Cùng trú tại: Số 96B đường Hùng V, tổ dân phố 2A, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Anh Duy V, sinh năm 1984 và chị Võ Thị D, sinh năm 1989; Cùng trú tại: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Huỳnh Anh Duy V và chị Võ Thị D thừa nhận có nợ của ông Bùi Xuân S và bà Trần Thị Ng số tiền tính đến ngày 06/11/2020 là 183.300.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng*); Trong đó tiền gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi là 3.300.000 đồng.

Anh Huỳnh Anh Duy V và chị Võ Thị D đồng ý trả cho ông Bùi Xuân S và bà Trần Thị Ng số tiền là 183.300.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng*). Thời hạn trả nợ kể từ ngày 06/11/2020 đến ngày 02/02/2021.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều

468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Huỳnh Anh Duy V và chị Võ Thị D phải chịu 4.582.500 đồng (*Bốn triệu năm trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Xuân S và bà Trần Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Xuân S và bà Trần Thị Ng 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004361 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N